

Số: 297/QĐTN-ĐT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2009, tại TT GDTX quận Thanh Khê TP. Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TCCB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-HC ngày 30/12/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm về việc thành lập hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp hệ VLVH ngành THSP Mầm non, khóa thi ngày 08,09/01 năm 2011 tại Trung tâm GDTX quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 10/02/2011 của hội đồng trường Đại học Sư phạm;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

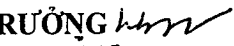
Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cho 47 học viên, hệ vừa làm vừa học, ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non tại Trung tâm GDTX quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, khóa tuyển sinh năm 2009 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cho các học viên có tên ở Điều 1.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, HCTH, Ban Chủ nhiệm khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non và các học viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- ĐHDN (Ban Đào tạo)
- Bộ GD-ĐT (qua Ban Đào tạo)
- Lưu HCTH, ĐT

KT, HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Lưu Trang

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ~~297~~ /QĐTN ngày ~~14~~ tháng ~~02~~ năm 2011 của Hiệu trưởng trường DHSP)

Ngành đào tạo: TCCN, ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non, hệ VLVH tại TT GDTX quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	03/01/87	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	
2	Bùi Thị	Bông	27/11/90	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	
3	Trần Thị Xuân	Chi	28/06/90	Đà Nẵng	7.6	Khá	
4	Nguyễn Thị	Cúc	04/08/88	Quảng Bình	7.8	Khá	
5	Phan Thị	Diệp	12/12/88	Quảng Nam	7.5	Khá	
6	Hoàng Thị	Dịu	26/10/89	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	
7	Nguyễn Thị	Đông	02/09/87	Hà Tĩnh	7.1	Khá	
8	Phan Thị Mỹ	Duyên	30/06/89	Quảng Nam	7.4	Khá	
9	Trần Thị	Giang	02/10/89	Quảng Bình	7.2	Khá	
10	Trần Thị Bích	Hà	08/02/90	Đà Nẵng	7.3	Khá	
11	Nguyễn Thị	Hằng	02/10/89	Hà Tĩnh	7.6	Khá	
12	Hồ Thị	Hằng	09/08/89	Quảng Trị	7.5	Khá	
13	Đặng Thị	Hạnh	18/09/85	Hà Tĩnh	7.2	Khá	
14	Phạm Thị	Hạnh	02/09/85	Đà Nẵng	7.7	Khá	
15	Trương Thị	Hiền	03/05/86	Quảng Bình	6.7	Trung bình khá	
16	Võ Thị Minh	Hiếu	20/02/90	Đà Nẵng	6.8	Trung bình khá	
17	Trần Thị	Huệ	25/02/90	QN-Đà Nẵng	7.3	Khá	
18	Nguyễn Thị	Hương	15/05/90	Thừa Thiên Huế	7.0	Khá	
19	Đinh Thị	Kính	07/10/89	Quảng Bình	7.7	Khá	
20	Lê Thị	Lân	12/01/85	Hà Tĩnh	7.6	Khá	
21	Võ Thị Bích	Liên	24/11/88	QN-Đà Nẵng	7.3	Khá	
22	Nguyễn Thị Phúc	Liên	01/08/82	Đà Nẵng	7.8	Khá	
23	Phạm Thị Xuân	Loan	29/09/88	Kon Tum	7.9	Khá	
24	Hồ Thị Phương	Loan	19/09/85	Quảng Nam	7.8	Khá	
25	Nguyễn Thị Khương	Loan	14/07/88	Quảng Nam	7.9	Khá	
26	Nguyễn Thị	Mai	15/04/85	Hà Tĩnh	6.8	Trung bình khá	
27	Hồ Thị Minh	Ngọc	28/11/83	Đà Nẵng	7.1	Khá	
28	Nguyễn Như Thị Thu	Nguyệt	11/09/88	Đà Nẵng	7.4	Khá	
29	Trần Thị Hồng	Nhân	05/07/82	Quảng Nam	8.4	Giỏi	
30	Trần Thị	Nhung	15/02/85	Đà Nẵng	7.4	Khá	
31	Trần Thị Minh	Phụng	10/07/90	Quảng Ngãi	6.9	Trung bình khá	

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
32	Trần Thị Như	Quỳnh	19/06/90	Quảng Bình	7.3	Khá	
33	Nguyễn Thị	Sương	20/04/90	Đà Nẵng	6.9	Trung bình khá	
34	Trương Thị Minh	Thảo	08/08/87	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	
35	Phạm Thị Ái	Thu	24/11/89	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	
36	Nguyễn Thị	Thương	19/09/84	Quảng Nam	7.3	Khá	
37	Phan Thị	Thường	05/05/88	Hà Tĩnh	6.9	Trung bình khá	
38	Trần Thị	Thúy	05/07/89	Quảng Bình	6.7	Trung bình khá	
39	Trần Thị	Thùy	20/06/89	Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	
40	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	25/12/89	Đà Nẵng	7.2	Khá	
41	Mai Thị Thu	Trang	20/03/88	Đắk Lắk	6.9	Trung bình khá	
42	Trần Thị Kim	Yên	11/05/81	Quảng Nam	7.2	Khá	
43	Trần Thị Hồng	Lê	09/06/87	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	TS.157/2008
44	Đặng Nguyễn Thị	Mẫu	24/04/85	QN-Đà Nẵng	6.7	Trung bình khá	TS.131a/2008
45	Võ Thị Như	Hoài	18/12/90	Phú Yên	7.4	Khá	TS. PY 170/2008
46	Phạm Thị	Oanh	20/08/90	Quảng Nam	7.0	Khá	TS.-SP 171/2008
47	Lê Thị Vũ	Yên	20/04/89	QN-Đà Nẵng	7.1	Khá	TS.Tkh 157/2008

Ann định danh sách này có 47 (bốn mươi bảy) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:

Nam: 0 - Nữ: 47

- 02 xếp loại Giỏi
- 36 xếp loại Khá
- 09 xếp loại Trung bình khá

Đã tính ký 47 bằng TN
5/4/2019

hmm

K.T. Hiệu trưởng trường ĐHSPhm

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trang

Đã ký 47 bằng TN
5/4/2019

Tranhuu

DANH SÁCH HỌC VIÊN HOÀN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Ngành đào tạo: TCCN, ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non, hệ VLVH tại TT GDTX quận Thanh Khê

HỌC KHÓA 2009 - 2011 (thi tốt nghiệp ngày 09/01/2011)

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lý do	Ghi chú
1	Trương Thị Thanh Dung	30/10/84	Quảng Nam	Thiếu CC A tiếng Anh	TS. 197B/07

Ấn định danh sách này có 01 học viên.

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2011

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trang